TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 08/4/2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Bích Nguyệt**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Hồng**

2. Ông **Nguyễn Văn Vĩ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hà Ngân** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông **Thiều Văn Thịnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 46/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T.**, sinh năm 1977 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Bị đơn: Ông **Trần Văn Th.**, sinh năm 1975 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1]. ***Quan điểm khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T. có lời khai***:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng:

Bà và ông Trần Văn Th. lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, Sóc Sơn, Hà Nội vào ngày 26/11/2001. Sau khi cưới thì vợ chồng bà ở tại thôn Đ, xã Đ, Sóc Sơn, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ những

ngày đầu, do ông Th. không chịu làm ăn, chơi bời cơ bạc, hay uống rượu chè, không chịu lao động để kiếm tiền nuôi con. Bản thân bà đã cố gắng động viên, khuyên nhủ mong ông Th. thay đổi nhưng càng ngày ông Th. càng sống vô trách nhiệm. Ông Th. từng là công an xã Đ nhưng do sống không chuẩn mực nên đã bị cho thôi việc.

Mâu thuẫn trầm trọng vào ngày 12/01/2025, ông Th. chơi bời cờ bạc, nợ nần ở bên ngoài nên đã bị dân xã hội đen đến đòi nợ, chửi bới ầm ĩ và ném rác vào cổng nhà bà dẫn đến việc bà phải báo Công an xã đến giải thích nên họ mới rời đi.

Sau khi sự việc xảy ra, ông Th. vẫn không chịu làm ăn, thường xuyên đi chơi bời ở bên ngoài, uống rượu rồi chửi vợ con khiến cuộc sống của bà vô cùng khốn khổ.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài không thể khắc phục được, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Th..

Về con: vợ chồng bà có 01 con chung là:

Trần Quốc K. - sinh ngày 2/9/2002

Hiện cháu khỏe mạnh bình thường và đã thành niên nên không ai phải nuôi dưỡng. Hiện bà làm nhân viên hợp đồng của Hội phụ nữ huyện Sóc Sơn, thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công sức chung, nợ: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bà T. có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

[2]. ***Bị đơn là ông Trần Văn Th.***: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2025 trình bày:

Ông đã ký vào đơn ly hôn của Bà T. rồi nên Tòa án tự giải quyết, ông không có ý kiến gì khác, ông từ chối viết bản tự khai và không ký vào bất cứ văn bản gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành, bị đơn chấp hành không đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ:

+ Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 3 Điều 82 và Khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

+ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T., cho bà T. được ly hôn với ông Trần Văn TH.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T. và ông Trần Văn Th. có 01 con chung là anh Trần Quốc K, sinh ngày 02/9/2002 hiện khỏe mạnh, bình thường và đã thành niên nên không ai phải nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Do đương sự không có yêu cầu đề nghị nên không đặt vấn đề giải quyết.

Bà Nguyễn Thị T. phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***:

Bà Nguyễn Thị T. và ông Trần Văn Th. lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND xã Đ, Sóc Sơn, Hà Nội vào ngày 26/11/2001. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Ông Trần Văn Th. có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, do vậy Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] ***Về việc xét xử vắng mặt đương sự*:**

Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự nhưng ông Trần Văn Th. vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Bà T. đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trần Văn Th. bà Nguyễn Thị T. là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] ***Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn***:

Bà Nguyễn Thị T. và ông Trần Văn Th. có mâu thuẫn từ trước khi Toà án huyện Sóc Sơn thụ lý vụ án, Bà T. xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, ông Th. chơi bời không chịu làm ăn, nợ nần ở bên ngoài nên đã bị chủ nợ cho người đến đòi nợ, chửi bới ầm ĩ và ném rác vào cổng nhà ông bà khiến đại diện thôn và Công an xã đến can thiệp, cuộc sống không có hạnh phúc.

Theo ý kiến của địa phương cũng xác nhận có việc ông Th. bị người đến đòi nợ, chửi bới ầm ĩ và ném rác vào cổng nhà ông bà khiến đại diện thôn và Công an xã đến can thiệp. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là vợ chồng phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc và có trách nhiệm với nhau. Việc ông bà mâu thuẫn như trên thể hiện mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng, kéo dài, cuộc sống không còn hạnh phúc. Ông Th. không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng mà để Tòa án muốn giải quyết thế nào thì giải quyết, không có tinh thần xây dựng, khi Bà T. xin ly hôn ông, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Việc Bà T. xin ly hôn với ông Th. vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được là chính đáng, thấy cần chấp nhận yêu cầu của Bà T. là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] ***Về con chung***:

Bà Nguyễn Thị T. và ông Trần Văn Th. có 01 con chung là Trần Quốc K - sinh ngày 2/9/2002. Hiện cháu khỏe mạnh bình thường và đã thành niên nên không ai phải nuôi dưỡng.

[4] ***Về tài sản chung, công sức chung, nợ***: Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T. và ông Trần Văn Th. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết.

[5] ***Về án phí***: Bà Nguyễn Thị T. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] ***Về quyền kháng cáo***: Bà Nguyễn Thị T. và ông Trần Văn Th. có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 3 Điều 82 và Khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. về việc xin ly hôn ông Trần Văn Th..

2. Bà Nguyễn Thị T. được ly hôn ông Trần Văn Th..

3. Về con chung: Xác nhận ông bà có 01 con chung là Trần Quốc K - sinh ngày 2/9/2002. Hiện cháu Trần Quốc K đã thành niên, khỏe mạnh bình thường nên không ai phải nuôi dưỡng.

4. Về tài sản chung, công sức chung, nợ: Không phải giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T. phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai số 0073064 ngày 12/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Bà Nguyễn Thị T. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T. và ông Trần Văn Th. có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Nguyệt

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- THA dân sự huyện Sóc Sơn;
- UBND xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn (Chứng nhận kết hôn số 94/2001 ngày 26/11/2001);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Bích Nguyệt